

Số: 30/2025/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

Căn cứ Điều 211, 213, 363, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số D, đường N, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Lê Anh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số D, đường N, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông H và bà T đã sống ly thân từ năm 2024. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa

thuận này của ông H và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung là cháu Trần Lê Trúc Q, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Trần Lê Thế H1, sinh ngày 28/02/2017. Sau khi ly hôn, thỏa thuận bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Lê Trúc Q, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Trần Lê Thế H1, sinh ngày 28/02/2017. Ông H không cấp dưỡng nuôi con, do bà T không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: ông H và bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: ông H và bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông H và bà T thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Lê Anh T thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Trần Văn H và bà Lê Anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê Trúc Q, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Trần Lê Thế H1, sinh ngày 28/02/2017 cho bà Lê Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc tạm thời bà Lê Anh T không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn H và bà Lê Anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Trần Văn H và bà Lê Anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Văn H và bà Lê Anh T thống nhất tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0013061 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Vĩnh Long) (đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt